

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 26/2021/HS-ST

Ngày: 14/7/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

Ông **Vũ Đức Kiều**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Nam** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021. Tại trụ sở TAND huyện Hòn Đất, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HS ngày 29/6/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Nhật T**, sinh năm: 1987 - Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT, chỗ ở hiện nay: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh K.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: Lớp 8/12; Nghề nghiệp: Không.

Họ và tên cha: **Bùi Thanh S**, sinh năm 1948

Họ và tên mẹ: **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1958

Anh (chị) em ruột: gồm 03 người, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1991, bị cáo là người con thứ hai trong gia đình.

Vợ: **Lê Thị Đ**, sinh năm 1987 (đã ly hôn)

Con: Có 01 người con, sinh năm 2004

Tiền án: Có 03 tiền án.

- Ngày 10/12/2008 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh K, xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 09/11/2011 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh K, xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Ngày 31/8/2018 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh K, xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2020 và đã thi hành xong các khoản tiền phải thi hành của Bản án, nhưng đến nay chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không

Bị cáo Bùi Nhật T bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2021 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại:

- Chị **Danh Thị Mỹ P**, sinh năm 1998 (Có mặt).

- Anh **Danh H**, sinh năm 1993 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 12, ấp Hò, xã T, huyện Hò, tỉnh K.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Trịnh Kim H 1**, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 12, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh K.

Người làm chứng:

- Anh **Đình Quốc K**, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Số 8, xã S, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Nhật T là đối tượng thường xuyên sử dụng trái phép chất ma túy và hay bỏ nhà tụ tập sống lang thang. Để có tiền mua ma túy sử dụng và chơi game nên T đã nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền phục vụ nhu cầu tiêu xài của mình.

Khoảng 11 giờ ngày 19/3/2021 T lấy xe đạp đi từ nhà cha ruột là ông Bùi Văn S tại ấp H đi theo hướng xã T để tìm những nhà không có người trông coi rồi đột nhập vào nhà lấy trộm tài sản, khi đến nhà chị Danh Thị Mỹ P tại tổ 11, ấp H, xã T phát

hiện thấy cửa trước mở, tại phòng khách chị P đang cho 02 đứa con ngủ, thấy vậy T đầu xe trên mé lộ đan cách nhà chị P khoảng 10m rồi đi cặp vách bên trái (hướng từ ngoài nhìn vào) ra phía sau nhà, thấy cửa phía sau nhà mở T đi vào phòng bếp rồi đi lên nhà trên. Lúc này chị P bỗng 01 đứa con đi ra cửa chính rồi đi cặp vách nhà ra phía sau để quét dọn chuồng gà. Khi đến phòng ngủ cạnh phòng bếp thấy cửa mở nên T đi vào trong và thấy một cái tủ bằng nhựa có nhiều ngăn, T đi đến kéo ngăn phía trên bên phải thì phát hiện có 50.000 đồng và 01 chai nước hoa, T lấy bỏ vào túi quần rồi tiếp tục kéo ngăn phía trên bên trái nhưng ngăn tủ bị khóa không mở được, T đi xuống phòng bếp lấy 01 con dao, loại dao yếm rồi quay lại phòng ngủ. T dùng con dao cạy ngăn kéo bị khóa ra phát hiện có 01 chiếc hộp hình tròn màu đỏ, T lấy chiếc hộp cầm trên tay rồi đi ra ngoài. Cùng lúc, chị P đang ở phía sau nhà nghe tiếng động nên bỗng con đi cặp vách nhà để ra phía trước rồi đi vào nhà, khi chị P đi đến cửa phòng ngủ cặp phòng khách thì phát hiện T từ phòng ngủ cặp phòng bếp đi ra, tay phải cầm con dao, tay trái cầm hộp đựng vàng nên chị P la “Cướp, cướp” thì T bỏ chạy ra phía cửa sau rồi vòng ra phía trước, khi T chạy đến hàng ba trước cửa nhà thì chị P tiếp tục la “Cướp cướp” T vừa chạy vừa đe dọa “Mày la lên tao chém” rồi chạy đến chỗ để xe đạp. T bỏ lại con dao chỗ để xe rồi lên xe đạp chạy về hướng UBND xã T được khoảng 200m T bỏ lại xe đạp lội qua sông trốn. Trên đường đi T mở hộp ra xem thì bên trong có 01 chiếc nhẫn vàng 24k và 01 sợi dây chuyền vàng 18k, T mang số vàng mới lấy trộm được đến nhà Đinh Quốc Kh tại khu vực Cầu số 7, xã S nhờ Kh chở đi bán vàng. Kh chở T đến tiệm vàng Ngọc Sơn ở ấp Số 8, xã S bán chiếc nhẫn vàng 24k được 11.000.000 đồng và đến tiệm vàng Vũ Quyền ở Cầu số 5, xã S bán sợi dây chuyền vàng 18k được 3.100.000 đồng. Sau khi bán vàng T chơi game hết 2.000.000 đồng và đi xe ôm đến thành phố R mua ma túy hết 2.000.000 đồng, mua lại chiếc điện thoại di động Vivo của Kh hết 700.000 đồng, số tiền còn lại T dùng để tiêu xài cá nhân. Đến ngày 29/3/2021 T bị bắt, Công an huyện H thu giữ của T 01 điện thoại di động hiệu Vivo và 525.000 đồng. Quá trình điều tra T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 08/KL-HĐĐGTS ngày 05/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện H đã kết luận như sau:

- Một nhẫn vàng 24k, loại nhẫn trơn, trọng lượng 02 chỉ và có ký hiệu Minh Thắng; 99,5% (đã qua sử dụng) tại thời điểm ngày 19/3/2021 có trị giá là 10.120.000 đồng.

- Một dây chuyền vàng 18k, loại có hình bông dừa; trọng lượng 1,4 chỉ, 61% (đã qua sử dụng) tại thời điểm ngày 19/3/2021 có trị giá là 4.564.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 14.684.000 đồng.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Nhật T có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm và được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo.

Tại bản cáo trạng số: 28/CT-VKS-HĐ ngày 11/6/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Bùi Nhật T về tội: “***Trộm cắp tài sản***” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Bùi Nhật T về tội danh và điều luật nêu trên và sau khi đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Nhật T mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm và thu nhập không ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đề nghị trả lại cho bà Trịnh Kim H 1 (mẹ chồng bị hại P) một con dao bằng kim loại, màu đen có lưỡi sắc, chiều dài 35,5cm; cán dao dài 11cm, đường kính tròn phần cán dao là 3cm; lưỡi dao dài 24,5cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 5,7cm; dao bị rỉ sét.

Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước một chiếc xe đạp người lớn bằng kim loại, màu bạc (loại xe nữ) có vỏ nhựa màu xám phía trước, sườn xe có chữ BC BICYCLERS (xe đã qua sử dụng) đây là phương tiện mà bị cáo dùng để tẩu thoát;

Một điện thoại di động hiệu Vivo, màu đỏ đen, màn hình điện thoại bị bể, không mở được nguồn (điện thoại đã qua sử dụng) bị cáo dùng tiền phạm tội mà có.

Số tiền Việt Nam 525.000 đồng (gồm 01 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 02 tờ mệnh giá 10.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 5.000 đồng) đây là số tiền còn lại do bị cáo phạm tội mà có nên đề nghị dùng để khấu trừ số tiền khắc phục H quả cho người bị hại.

Đối với chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ và sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 1,4 chỉ, sau khi mua các chủ tiệm vàng đã tái chế và bán lại cho người khác (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) nên không thu hồi được, đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Đối với chiếc hộp hình tròn màu đỏ dùng để đựng chiếc nhẫn, sợi dây chuyền vàng và chai nước hoa đã qua sử dụng mà bị cáo lấy ở nhà của Chị P, quá trình tàu thoát bị cáo đã vứt bỏ tại khu vực đề quốc phòng thuộc ấp H, xã T, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện H đã tổ chức tìm kiếm nhưng không thu hồi được, đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về trách nhiệm dân sự:

Chị Danh Thị Mỹ P và anh Danh H yêu cầu bị cáo Bùi Nhật T bồi thường chiếc nhẫn vàng 24k là 10.120.000 đồng, sợi dây chuyền vàng 18k là 4.564.000 đồng, tổng số tiền chị P và anh H yêu cầu bồi thường là 14.684.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền trên. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc bị cáo bồi thường cho chị P và anh H theo thỏa thuận tại phiên tòa. Khấu trừ đi số tiền 525.000 đồng bị cáo Bùi Nhật T còn phải tiếp tục bồi thường cho chị P và anh H số tiền 14.159.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm năm mươi chín ngàn đồng).

Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị hại chị Danh Thị Mỹ P và anh Danh H không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 50.000 đồng và chai nước hoa.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Bị cáo có ý kiến: Thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ.

Người bị hại chị Danh Thị Mỹ P và anh Danh H có ý kiến: Đề nghị hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo T phải bồi thường cho vợ chồng tôi giá trị tài sản bị mất

cấp tương đương với số tiền 14.684.000 đồng. Và yêu cầu xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H và Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo Bùi Nhật T phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, đã có đầy đủ cơ sở kết luận: Khoảng hơn 11 giờ, ngày 19/3/2021 Bùi Nhật T đột nhập vào nhà chị Danh Thị Mỹ P tại tổ 12, ấp H, xã T, huyện H lấy trộm 50.000 đồng, 01 chiếc nhẫn vàng 24k trị giá 10.120.000 đồng, 01 sợi dây chuyền vàng 18k trị giá 4.564.000 đồng, tổng trị giá tài sản mà T đã trộm cắp của chị P là 14.734.000 đồng. Hành vi của bị cáo Bùi Nhật T đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Như kết luận của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra là ít nghiêm trọng. Bị cáo đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản nên bị cáo phải nhận thức được rằng việc lấy trộm đồ của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì bị cáo không có nghề nghiệp, thường xuyên sử dụng ma túy mà không có tiền mua ma túy để sử dụng nên bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật sa vào con đường phạm tội. Ngoài ra, bản thân bị cáo lười lao động, tư lợi muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác và sự sơ hở, mất cảnh giác trong quản lý tài sản của bị hại để bị cáo chiếm đoạt tài sản, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội muốn có tiền thu nhập cao. Hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Nhật T đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp của công

dân được Nhà nước bảo vệ, xâm phạm đến trật tự trị an, an toàn xã hội, với thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội. Do đó cần phải xử lý nghiêm, có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục bị cáo, giáo dục chung cho xã hội và cần thiết cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Nhật T có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bùi Nhật T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét về nhân thân của bị cáo khi quyết định hình phạt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản và việc làm nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trả lại cho bà Trịnh Kim H 1 một con dao bằng kim loại, màu đen có lưỡi sắc, chiều dài 35,5cm; cán dao dài 11cm, đường kính tròn phần cán dao là 3cm; lưỡi dao dài 24,5cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 5,7cm; dao bị rỉ sét.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước một chiếc xe đạp người lớn bằng kim loại, màu bạc (loại xe nữ) có rổ nhựa màu xám phía trước, sườn xe có chữ BC BICYCLERS (xe đã qua sử dụng) đây là phương tiện mà bị cáo dùng để tẩu thoát; Một điện thoại di động hiệu Vivo, màu đỏ đen, màn hình điện thoại bị bể, không mở được nguồn (điện thoại đã qua sử dụng) bị cáo dùng tiền phạm tội mà có.

Khấu trừ số tiền 525.000 đồng là số tiền còn lại do bị cáo phạm tội mà có để khắc phục H quả cho chị P và anh H.

Đối với chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ và sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 1,4 chỉ, sau khi mua các chủ tiệm vàng đã tái chế và bán lại cho người khác (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) không thu hồi được nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Đối với chiếc hộp hình tròn màu đỏ dùng để đựng chiếc nhẫn, sợi dây chuyền vàng và chai nước hoa đã qua sử dụng mà bị cáo lấy ở nhà của Chị P, quá trình tìm kiếm bị cáo đã vứt bỏ tại khu vực đô thị thuộc ấp H, xã T, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện H đã tổ chức tìm kiếm nhưng không thu hồi được nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Chị Danh Thị Mỹ P và anh Danh H yêu cầu bị cáo Bùi Nhật T bồi thường chiếc nhẫn vàng 24k là 10.120.000 đồng, sợi dây chuyền vàng 18k là 4.564.000 đồng, tổng số tiền chị P và anh H yêu cầu bồi thường là 14.684.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của bị hại là phù hợp với bản kết luận định giá của Hội đồng định giá và tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại, nên Hội đồng xét xử ghi nhận để buộc bị cáo thực hiện. Hội đồng xét xử buộc bị cáo Bùi Nhật T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại chị P và anh H số tiền 14.684.000 đồng. Khấu trừ đi số tiền 525.000 đồng bị cáo Bùi Nhật T còn phải tiếp tục bồi thường cho chị P và anh H số tiền 14.159.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm năm mươi chín ngàn đồng).

Tại phiên tòa bị hại Danh Thị Mỹ P và anh Danh H không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 50.000 đồng và chai nước xét thấy đây là sự tự nguyện của bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[11] Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Bùi Nhật T phải chịu án hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[12] Các vấn đề khác:

Đối với Đinh Quốc Kh là người đã chở bị cáo T đi bán số vàng trộm cắp, trong quá trình điều tra xác minh Đinh Quốc Kh không có mặt tại địa phương nên không làm việc được. Mặt khác, qua lời khai của bị cáo T thì Kh không biết số vàng này do bị cáo T trộm cắp mà có nên hành vi của Đinh Quốc Kh không cấu thành tội phạm.

Đối với người đàn ông tên N là người bán ma túy cho bị cáo T, quá trình điều tra chưa xác định được họ tên, địa chỉ. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện H phối

hợp với Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Rạch Giá tiếp tục điều tra làm rõ nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Nhật T** phạm tội: “***Trộm cắp tài sản***”.

Xử Phạt: Bị cáo **Bùi Nhật T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/3/2021.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị hại chị Danh Thị Mỹ P và anh Danh H không yêu cầu bị cáo Bùi Nhật T bồi thường số tiền 50.000 đồng và chai nước hoa.

Buộc bị cáo Bùi Nhật T bồi thường cho bị hại chị Danh Thị Mỹ P và anh Danh H tổng số tiền là 14.684.000 đồng. (Mười bốn triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn đồng). Khấu trừ đi số tiền 525.000 đồng (Năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng), hiện đang nộp tại Kho bạc nhà nước huyện H theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 06/5/2021, bị cáo Bùi Nhật T còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại chị Danh Thị Mỹ P và anh Danh H số tiền 14.159.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm năm mươi chín ngàn đồng).

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trả lại cho bà Trịnh Kim H 1 một con dao bằng kim loại, màu đen có lưỡi sắc, chiều dài 35,5cm; cán dao dài 11cm, đường kính tròn phần cán dao là 3cm; lưỡi dao dài 24,5cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 5,7cm; dao bị rỉ sét.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước một chiếc xe đạp người lớn bằng kim loại, màu bạc (loại xe nữ) có rổ nhựa màu xám phía trước, sườn xe có chữ BC BICYCLERS (xe đã qua sử dụng) đây là phương tiện mà bị cáo dùng để tẩu thoát; Một điện thoại di động hiệu Vivo, màu đỏ đen, màn hình điện thoại bị bể, không mở được nguồn (điện thoại đã qua sử dụng) bị cáo dùng tiền phạm tội mà có.

Khấu trừ số tiền 525.000 đồng là số tiền còn lại do bị cáo phạm tội mà có để khắc phục H quả cho chị P và anh H.

Đối với chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ và sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 1,4 chỉ, sau khi mua các chủ tiệm vàng đã tái chế và bán lại cho người khác (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) không thu hồi được nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Đối với chiếc hộp hình tròn màu đỏ dùng để đựng chiếc nhẫn, sợi dây chuyền vàng và chai nước hoa đã qua sử dụng mà bị cáo lấy ở nhà của Chị P, quá trình tẩu thoát bị cáo đã vứt bỏ tại khu vực đô thị thuộc ấp H, xã T, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện H đã tổ chức tìm kiếm nhưng không thu hồi được nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Bùi Nhật T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 707.950 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi Nhận:

- TAND Tỉnh KG;
- VKS H.Hòn Đất;
- Chi cục THADS H.Hòn Đất;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an H.Hòn Đất;
- Sở Tư Pháp;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Cao Quốc Chiến